

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
HYDROXYT NHÔM**



Số CAS : 21645-51-2
Số UN : không có thông tin
Số EC : không có thông tin
Số chỉ thị nguy hiểm của HMIS (U.S.A):
- Nguy hiểm đến sức khỏe: 1
- Nguy hiểm về cháy: 0
- Độ hoạt động: 0
- Phương pháp bảo vệ cá nhân E
Số đăng ký danh mục quốc gia khác: chưa có dữ liệu

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Hydroxyt nhôm	Mã sản phẩm:
- Tên thương mại: Hydroxyt nhôm	
- Tên khác:	
- Tên nhà sản xuất hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH MTV Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận I, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. ĐT: (84.8)38296620, Fax: (84.8)38243166	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: 1. Công ty TNHH một thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng , phường Bến Nghé, quận I, Tp.Hồ Chí Minh , Việt Nam. ĐT: (84.8)38296620, Fax: (84.8)38243166
- Tên nhà sản xuất : Nhà máy Hóa Chất Tân Bình Địa chỉ: 46/6 Phan Huy Ích, phường 15, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: (84.8) 38153990, Fax: (84.8) 38153936 Email: http:// tanbinh@.sochemvn.com	2. Nhà máy Hoá chất Tân Bình 1 Địa chỉ: 46/6 Phan Huy Ích, phường 15, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: (84.8) 38153990, Fax: (84.8) 38153936
- Mục đích sử dụng: dùng sản xuất nhôm kim loại, sản xuất các loại phèn nhôm.	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Hydroxyt nhôm	21645-51-2	Al(OH) ₃	63% Al ₂ O ₃

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Ảnh hưởng sức khỏe cấp tính : nguy hiểm nhẹ trong trường hợp tiếp xúc với da (kích ứng), giao tiếp bằng mắt (kích ứng), uống, hít vào.



Ảnh hưởng sức khỏe mãn tính:

Tác dụng gây ung thư: Không có. Tác dụng gây đột biến: Không có. Tác dụng gây quái: Không có. Phát triển độc tính: Không có. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài không biết là làm trầm trọng thêm tình trạng sức khỏe.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Tiếp xúc mắt: Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút. Chăm sóc y tế nếu bị kích ứng.

Tiếp xúc da: Rửa sạch với xà phòng và nước. Che da bị kích thích với chất làm mềm. Chăm sóc y tế nếu kích thích phát triển.

Tiếp xúc da nghiêm trọng: Không có.

Hít phải:

Nếu hít vào, chuyển đến không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxygen. Chăm sóc y tế.

Đường hô hấp nghiêm trọng: Không có.

Nuốt phải:

Không được gây nôn trừ khi được làm như vậy bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cung cấp cho bất cứ điều gì vào miệng nạn nhân bất tỉnh. Nếu số lượng lớn của vật liệu này được nuốt phải, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Nới lỏng quần áo chặt chẽ như một cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng.

Nuốt phải nghiêm trọng: Không có.

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Tính dễ cháy của sản phẩm: Không dễ cháy.

Nhiệt độ đánh lửa tự động: không có dữ liệu

Đèn flash điểm: không có dữ liệu.

Giới hạn dễ cháy: không có dữ liệu

Sản phẩm của quá trình cháy: không có dữ liệu

Mối nguy hiểm cháy khi hiện diện của các chất khác nhau: không có dữ liệu.

Vụ nổ nguy hiểm trong sự hiện diện của các chất khác nhau:

Nguy cơ bùng nổ của các sản phẩm trong sự hiện diện của tác động cơ học: Không có. Nguy cơ bùng nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của điện tĩnh: Không có.

Hướng dẫn và thông tin chữa cháy : Không áp dụng.

Các chú thích đặc biệt nguy hiểm cháy:

Một hỗn hợp của hydroxide nhôm và bismuth, được làm kết tủa và khử bởi hydro từ 170⁰C đến 210⁰ C là dễ tự bốc cháy trong không khí ở nhiệt độ môi trường xung quanh.

Chú thích đặc biệt về mối nguy hiểm cháy nổ: Không có.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Sự cố nhỏ:

Sử dụng các công cụ thích hợp để đưa các chất rắn bị đổ trong một thùng chứa xử lý chất thải thuận tiện. Cuối cùng làm sạch bằng cách phun nước trên bề mặt bị ô nhiễm và xử lý theo yêu cầu chính quyền địa phương và khu vực.

2. Sự cố lớn:

Sử dụng một cái xẻng để đưa vật liệu vào một thùng chứa xử lý chất thải thuận tiện. Cuối cùng làm sạch bằng cách phun nước trên bề mặt bị ô nhiễm và cho phép để sơ tán thông qua hệ thống vệ sinh. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm là không có mặt ở một mức độ tập trung trên TLV. Kiểm tra TLV theo MSDS và phù hợp qui định của chính quyền địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

Biện pháp phòng ngừa: Đùng hít phải bụi. Tránh xa các chất không tương thích như axit, kiềm.

Bảo quản: Giữ thùng chứa đóng kín. Giữ thùng chứa ở nơi mát, thông thoáng,.. Không lưu trữ trên 24 ° C (75,2 ° F).

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các hướng dẫn kỹ thuật:

Sử dụng hàng rào bao quanh khu vực, lắp đặt hệ thống thông gió cục bộ, các hướng dẫn kỹ thuật khác để giữ cho mức độ không khí dưới mức đề nghị giới hạn phơi nhiễm. Nếu hoạt động người sử dụng tạo ra bụi, khói hay sương mù, sử dụng thông gió để giữ tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm không khí dưới các giới hạn tiếp xúc.

Bảo vệ cá nhân: kính an toàn. Phòng thí nghiệm áo. Bụi hô hấp. Bạn phải sử dụng ủng, găng tay, mặt nạ phòng hơi độc được cung cấp có chứng nhận chất lượng hoặc tương đương

Bảo vệ cá nhân trong trường hợp của một Trần lớn: kính bảo vệ mặt. Toàn phù hợp. Bụi hô hấp. Ủng. Găng tay. Dụng cụ tự thở nên được sử dụng để tránh hít phải sản phẩm. Đề xuất ý kiến khi quần áo bảo vệ có thể không đầy đủ, tham khảo ý kiến một chuyên gia trước khi làm việc với sản phẩm này.

Giới Hạn Tiếp Xúc:

TWA: 3 (mg/m3) từ ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ] có thể hít thở được. TWA: 10 (mg/m3) từ ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ] Tổng số qua đường hô hấp. Tham khảo ý kiến chính quyền địa phương để giới hạn rủi ro chấp nhận được.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: bột rắn

Nhiệt độ sôi : chưa có thông tin

Màu sắc: không màu

Nhiệt độ nóng chảy: 300⁰C

Mùi : Không mùi ,

Nhiệt độ cháy: Chưa có thông tin

Áp suất hơi: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy: chưa có thông tin
Vapor Density (KK=1): chưa có thông tin	Giới hạn chớp cháy trên: chưa có thông tin
Khả năng hòa tan trong nước: chưa có thông tin	Giới hạn chớp cháy dưới: chưa có thông tin.
pH: (1% dung dịch): chưa có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 2,42 kg/dm ³	

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định: sản phẩm ổn định.
Nhiệt độ bất ổn định: Không có.
Điều kiện của sự bất ổn định: không tương thích vật liệu
Không tương thích với các chất khác nhau: phản ứng với axit, kiềm.
Ăn mòn: không ăn mòn trong sự hiện diện của thủy tinh.
Đặc biệt chú thích về phản ứng:
 Hình thành gel khi tiếp xúc kéo dài với nước, hấp thụ axit, carbon dioxide. Khi tiếp xúc với nhiệt nhôm trihydroxide phân hủy thành oxit nhôm và hơi nước bắt đầu ở 300⁰C (572⁰F). Nhôm trihydroxide mạnh mẽ phản ứng với axit mạnh, và sẽ hòa tan trong các dung dịch xút.
Các chú thích đặc biệt về ăn mòn: Không có.
Trùng hợp: không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tuyến xâm nhập: Hít phải. Nuốt phải.
Độc tính đối với động vật:
 LD50: Không có. LC50: Không có.
Ảnh hưởng mãn tính trên con người: Không có sẵn.
Ảnh hưởng độc hại khác trên con người: Hơi nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), uống, hít phải.
Các chú thích đặc biệt về độc tính với động vật: Không có.
Các chú thích đặc biệt về ảnh hưởng mãn tính trên con người: Không có.
Các chú thích đặc biệt về các ảnh hưởng độc hại khác trên con người:
 Ảnh hưởng cấp tính: Có thể hồng da nhẹ, mắt và kích ứng vùng rộng đường hô hấp trên. Nuốt phải: Có thể gây kích ứng vùng rộng đường tiêu hóa: Có thể ảnh hưởng đến xương (loãng xương), quá trình trao đổi chất, máu, hành vi (co cơ, co thắt, thay đổi động cơ hoạt động), gan.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính đối với sinh vật

Độc tính: Không có.
BOD5 và COD: Không có sẵn.
Sản phẩm phân hủy sinh học:
 Có thể nguy hiểm sản phẩm thoái hóa ngắn hạn không có khả năng. Tuy nhiên, sản phẩm thoái hóa dài hạn có thể phát sinh.
Độc tính của các sản phẩm phân hủy sinh học: bản thân sản phẩm và các sản phẩm của suy thoái là không độc hại.
Các chú thích đặc biệt trên các sản phẩm phân hủy sinh học: Không có.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Xử lý chất thải: chất thải phải được xử lý theo quy định kiểm soát môi trường của địa phương.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng						Không có thông tin

nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						Không có dữ liệu

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: Việt Nam
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: không có thông tin

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu: 12/02/2012

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Một thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.